

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/DS-ST  
Ngày: 20 - 9 - 2024  
V/v: “Tranh chấp hụi”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

*- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lãm*

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Ngọc Anh

Bà Trần Thị Út

*- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mỹ Phương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.*

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2024/TLST-DS, ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hụi”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2024/QĐXXST - DS, ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Y**, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: **Ấp C, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang**. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: **Ấp A, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang**. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 09/5/2024 quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Trần Thị Y** trình bày:

Vào năm 2020, 2021, 2022 bà có tham gia tổng cộng 19 chân hội 1.000.000 đồng/tháng do bà Nguyễn Thị M làm chủ, tất cả các chân hội bà đóng hội sống đầy đủ nhưng chưa được hốt, các dây hội này đến nay đã mãn. Ngày 10/5/2023 âm lịch thì giữa bà và bà M chốt hội lại thì bà M còn nợ bà số tiền 356.000.000 đồng và bà M có làm biên nhận. Sau khi bà M làm biên nhận thì bà M có trả cho bà số tiền 36.500.000 đồng còn nợ lại 319.500.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà M trả cho bà số tiền 319.500.000 đồng nhưng bà M vẫn chưa trả. Nay bà yêu cầu bà M trả cho bà số tiền hội là 319.500.000 đồng.

Tại văn bản ngày 08/8/2024 và tại phiên toà bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Năm 2020, 2021, 2022 bà Trần Thị Y có tham gia 19 chân hội 1.000.000 đồng/tháng do bà làm chủ, trong danh sách chơi hội ghi tên 5 Y, 19 chân hội này bà Y có đóng hội sống nhưng chưa hốt, đến tháng 5/2023 do bà bị bệnh nên không có kêu hội nữa và ngưng khai hội. Sau khi ngưng khai hội thì bà Y có cộng lại số tiền chơi hội và có kêu bà ký tên vào biên nhận ngày 10/5/2023, do bà tin tưởng nên có ký tên vào biên nhận ngày 10/5/2023 âm lịch bà còn nợ bà Y số tiền 356.000.000 đồng, thực tế bà và bà Y chưa tính lại số tiền hội bà nợ bà Y. Bà thừa nhận bà Y đã đóng hội sống được số tiền 207.350.000 đồng, sau đó bà đã trả cho bà Y được 36.500.000 đồng, còn nợ 170.850.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà Y số tiền 170.850.000 đồng. Do bị bệnh nên bà xin bà Y cho mỗi tháng trả 500.000 đồng nếu có nhiều thì trả nhiều hơn cho đến khi hết số nợ 170.850.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hội” theo Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nội dung vụ án: Vào năm 2020, 2021, 2022 bà Trần Thị Y có tham gia 19 chân hội do bà Nguyễn Thị M làm chủ, bà Y có đóng hội sống đầy đủ cho bà M nhưng chưa được hốt. Ngày 10/5/2023 âm lịch giữa bà Y và bà M tính lại thì bà M còn nợ bà Y số tiền 356.000.000 đồng, sau đó bà M đã trả được 36.500.000 đồng còn nợ lại 319.500.000 đồng. Nay bà Y yêu cầu bà M trả số tiền 319.500.000 đồng. Còn bà Nguyễn Thị M thừa nhận bà Y có tham gia 19 chân hội

là đúng, do bà bị bệnh nên ngưng khai hội, bà có ký tên vào biên nhận nợ bà Y số tiền 356.000.000 đồng nhưng thực tế bà Y chỉ đóng hội sống được số tiền 207.350.000 đồng, bà đã trả cho bà Y được 36.500.000 đồng còn nợ lại 170.850.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà Y số tiền 170.850.000 đồng, mỗi tháng xin trả 500.000 đồng nếu có nhiều thì sẽ trả nhiều hơn.

[3] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ năm 2020, 2021, 2022 bà Trần Thị Y có tham gia tổng cộng 19 chân hội 1.000.000 đồng/tháng do bà Nguyễn Thị M làm chủ, do thời gian tham gia hội đã lâu nên bà Y không nhớ rõ từng chân hội mở ngày tháng năm nào có bao nhiêu người tham gia, thời gian kêu hội, đóng hội ngày tháng năm nào. Trong tổng số 19 chân hội bà Y tham gia thì bà Y có đóng hội sống đầy đủ cho bà M nhưng không nhớ cụ thể số tiền đóng, ngày đóng là ngày nào. Khi bà M ngưng khai hội thì ngày 10/5/2023 âm lịch giữa bà Y và bà M tính lại số tiền bà Y được hưởng cho các lần đóng hội sống là 356.000.000 đồng và bà M có ký tên vào biên nhận. Sau đó bà M có trả được 36.500.000 đồng còn nợ lại 319.500.000 đồng.

[4] Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M thừa nhận bà Y có tham gia 19 chân hội 1.000.000 đồng/tháng như bà Y trình bày là đúng. Tổng 19 chân hội bà Y đóng hội sống được 207.350.000 đồng bà đã trả được 36.500.000 đồng còn nợ lại 170.850.000 đồng nên bà đồng ý trả cho bà Y số tiền 170.850.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy bà M thừa nhận các chân hội 1.000.000 đồng/tháng do bà làm chủ là hội có lãi do các thành viên của dây hội thoả thuận theo khoản 1 Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường. Điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định 19/2019/NĐ-CP quy định thành viên trong hội có lãi được hưởng lãi từ thành viên lãnh hội. Bà Y đã đóng hội sống các thành viên khác đã hết nên bà Y được hưởng lãi theo thoả thuận giữa các thành viên trong dây hội. Do đó bà M cho rằng chỉ đồng ý trả lại số tiền hội thực tế bà Y đã đóng 207.350.000 đồng là không có căn cứ.

[5] Mặt khác theo bà Y trình bày khi bà M ngưng khai hội thì ngày 10/5/2023 âm lịch giữa bà Y và bà M tính lại thì số tiền hội sống bà Y đã đóng và được hưởng là 356.000.000 đồng, bà M có ký tên vào biên nhận. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bà M thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày

10/5/2023 âm lịch nhưng bà M cho rằng bà tin tưởng bà Y nên mới ký tên vào biên nhận ngày 10/5/2023 âm lịch thực tế giữa bà và bà Y chưa tính lại số tiền hụi bà nợ bà Y. Biên nhận ngày 10/5/2023 âm lịch thể hiện nội dung “ Bà Nguyễn Thị M có thiếu tiền hụi tổng cộng 356.000.000 đồng ”, bà M là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, biết đọc, biết viết nên bà cho rằng do tin tưởng bà Y nên mới ký tên vào biên nhận là không có cơ sở. Bên cạnh đó bà M cũng thừa nhận sau khi ký tên vào biên nhận nợ ngày 10/5/2023 âm lịch thì bà có trả bà X số tiền 36.500.000 đồng chứng tỏ bà M thừa nhận nợ bà Y số tiền 356.000.000 đồng nên mới trả cho bà Y số tiền 36.500.000 đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Y số tiền hụi còn nợ theo biên nhận ngày 10/5/2023 âm lịch là 356.000.000 đồng, bà M đã trả cho bà Y được 36.500.000 đồng nên bà M còn phải trả cho bà Y số tiền 319.500.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định.

[8] Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ: Điều 471, 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phường.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Y về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả số tiền hụi còn nợ là 319.500.000 đồng.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Y số tiền 319.500.000 đồng (ba trăm mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác

định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 15.975.000 đồng (mười lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn bà Trần Thị Y, bị đơn bà Nguyễn Thị M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 20/9/2024.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND h Long Mỹ;
- Chi cục THADS h Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Lãm**